


ĐÀI LOAN – HỒNG KÔNG – MACAO

VẤN ĐỀ LỢI DỤNG HỒNG KÔNG, MA CAO LÀM CỬA NGÕ VÀ CẦU NỐI TRONG TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TRỞ DẬY CỦA TRUNG QUỐC

PGS. LÊ VĂN SANG - TS. LÊ KIM SA
VAPEC Hà Nội

 iệc lợi dụng Hồng Kông, Ma Cao làm cửa ngõ và cầu nối trong tiếp cận thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu trở dậy của Trung Quốc cả về kinh tế lẫn chính trị theo công thức “một quốc gia hai chế độ” đã rất thành công trong hơn 10 năm qua và tiếp tục phát huy, mở rộng tác dụng, tạo cơ sở cho Trung Quốc trở dậy cả về kinh tế lẫn chính trị trong thời gian tới thông qua “Hợp tác hai bờ bốn bên”.

Sự nghiên cứu của chúng tôi cho phép đi đến kết luận rằng, hai nền kinh tế tự do Hồng Kông, Ma Cao tiếp tục phát triển trong quỹ đạo “một quốc gia hai chế độ”, tiếp tục đóng vai trò cửa ngõ, cầu nối cho nền kinh tế Đại lục mạnh bước “đi ra ngoài” trong thời gian tới. Nếu quý vị muốn tìm hiểu sâu vấn đề này, chúng tôi xin cung cấp hai nghiên cứu sau đây: *Một là* “Mô hình kinh tế Hồng Kông – những gợi ý cho Việt Nam”; *hai là* “Kinh tế đặc khu hành chính Ma Cao sau 10 năm trở về Trung Quốc”.

Vấn đề chúng tôi muốn nhấn mạnh trong bài viết này là tác động của chính sách “Một quốc gia hai chế độ” trong việc thu hồi Hồng Kông, Ma Cao về Trung Quốc đã thúc đẩy quan hệ hợp tác Đài Loan với Đại lục và sẽ tạo ra tình thế mới trong quan hệ “Hai bờ bốn bên”, mở ra cục diện mới cho Trung Quốc trở dậy trong thời gian.

I. TÁC ĐỘNG CỦA LIÊN KẾT KINH TẾ “HAI BỜ BỐN BÊN” ĐỐI VỚI SỰ TRỞ DẬY CỦA KINH TẾ TRUNG QUỐC

“Hai bờ bốn bên” là cách nói tắt của Trung Quốc về mối quan hệ liên kết kinh tế tiểu vùng rất độc đáo của CHND Trung Hoa bao gồm 4 nền kinh tế khác nhau về thể chế: Kinh tế Đại lục, và 3 nền kinh tế thị trường tự do: Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao theo ý tưởng “Một quốc gia hai chế độ” của Đặng Tiểu Bình - Kiến trúc sư vĩ đại của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc.

Với tầm nhìn thời đại, nắm chắc thực tiễn phát triển kinh tế đất nước, các thế hệ lãnh đạo sau Đặng Tiểu Bình đã kiên định con đường cải cách mở cửa, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, bằng mọi biện pháp thúc đẩy liên kết kinh tế “Hai bờ, bốn bên”, tạo ra cục diện phát triển kinh tế sôi động của Trung Quốc trong 10 năm qua.

Cơ sở quan trọng của liên kết kinh tế “Hai bờ, bốn bên” là chiến lược hợp tác kinh tế vùng Chu Giang mở rộng chính thức khởi động từ năm 2004 tới nay, đã đạt được nhiều thành tựu; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tốc độ cao ở Trung Quốc 10 năm qua. Theo nghiên cứu của TS. Nguyễn Xuân Cường, từ năm 2004 đến năm 2008, mức tăng trưởng GDP của 9 tỉnh tham gia hợp tác Chu Giang mở rộng đạt mức tăng trưởng trung bình 12,9%, cao hơn tăng trưởng trung bình của toàn quốc 2,3%. Năm 2008, tổng lượng kinh tế của 9 tỉnh tham gia hợp tác Chu Giang mở rộng chiếm 31,4%. Hợp tác giữa các tỉnh nội địa với Hồng Kông, Ma Cao chặt chẽ hơn, thúc đẩy sự ổn định, phồn vinh của Hồng Kông, Ma Cao.⁽¹⁾

CEPA (Closer Economic Partnership Arrangement) được lần lượt ký kết giữa Trung Quốc Đại lục với Hồng Kông, Ma Cao năm 2003 làm bùng lên sức sống mới của nền kinh tế Đại lục. Mô thức liên kết kinh tế 9 + 2 - “một quốc gia hai chế độ” này đã làm cho một vùng kinh tế năng động rộng lớn của Trung Quốc gồm 9 tỉnh (Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Hồ Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quảng Tây, Hải Nam) và hai khu vực hành chính đặc biệt Hồng Kông, Ma Cao có tổng diện tích bằng 1/5, dân số 1/3, tổng lượng kinh tế bằng 1/3

của Trung Quốc trở thành đầu tàu phát triển kinh tế Trung Quốc trong 10 năm qua.

Mô hình liên kết kinh tế tiểu vùng 9+2 không chỉ thúc đẩy kinh tế Đại lục phát triển, mà còn thúc đẩy hợp tác kinh tế hai bờ giữa Đại lục với Đài Loan phát triển mạnh hơn tạo điều kiện cho lực lượng ủng hộ hợp tác kinh tế với Đại lục ở Đài Loan thắng thế. Từ tháng 3/2008 Mã Anh Cửu (Đảng Quốc dân) thay Trần Thủy Biển (Đảng Dân tiên) lên làm Tổng thống Đài Loan mở ra trang sử mới cho sự phát triển hợp tác giữa hai bờ Đại lục với Đài Loan. Và đến tháng 6-2010, Trung Quốc Đại lục và Đài Loan đã ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế hai bờ (ECFA), mở rộng công thức 9+2 thành 9+3.

Nếu liên kết kinh tế tiểu vùng 9+2 đã tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế Trung Quốc 10 năm qua, thì liên kết tiểu vùng 9+3 sẽ tác động mạnh hơn nhiều đến sự trỗi dậy của kinh tế của Trung Quốc 10 năm tới và xa hơn nữa, vì quy mô của nền kinh tế Đài Loan lớn hơn nhiều so với Hồng Kông, Ma-cao; đây còn là nền kinh tế công nghiệp mới đang bước vào giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế công nghệ cao phát triển chín muồi, lại có mối quan hệ sâu rộng với hai nền kinh tế lớn trong khu vực là Nhật Bản và Mỹ.

Do vậy, xem xét quan hệ kinh tế “Hai bờ bốn bên” tác động như thế nào đến sự trỗi dậy của Trung Quốc, cũng như tác động đến kinh tế Việt Nam thời gian tới, theo chúng tôi phải chú ý đặc biệt đến tác động của ECFA tới kinh tế Đại lục, từ đó xem xét tác động của kinh tế Đại lục đến kinh tế Việt Nam, cũng như sự chuyển hướng hợp tác kinh tế Đài Loan với Đại lục sẽ ảnh hưởng thế nào đến quan hệ kinh tế Đài Loan – Việt Nam.

1. Tác động của ECFA đến kinh tế Đại lục.

Như trên đã đề cập, ECPA đã tạo sức sống mới của kinh tế Đại lục, góp phần thúc đẩy tiến trình cải cách mở cửa nền kinh tế Trung Quốc 10 năm qua, thúc đẩy đầu tư thương mại dịch vụ giữa hai bờ, góp phần quan trọng cho Trung Quốc “đi ra ngoài” hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới.

CEPA còn có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Đài Loan với Đại lục, thúc đẩy lực lượng ủng hộ mở rộng quan hệ kinh tế giữa Đài Loan với Đại lục, tạo cơ hội cho Mã Anh Cửu (Đảng Quốc dân) đi theo đường lối đẩy mạnh hợp tác với Đại lục lên làm Tổng thống Đài Loan, thay Trần Thủy Biểu (Đảng Dân tiến) chủ trương “Đài Loan độc lập”. Bởi lẽ CEPA đã thúc đẩy kinh tế Đại lục với Hồng Kông, Ma Cao liên kết chặt chẽ thành một chỉnh thể, không chỉ mở ra không gian mới cho cải cách mở cửa kinh tế Đại lục mà còn góp phần quan trọng vào việc chấn hưng kinh tế Hồng Kông, Ma Cao 10 năm qua. Đây quả là một đòn công kích mạnh đối với kinh tế Đài Loan. Vì về lâu dài, CEPA thúc đẩy nhất thể hóa kinh tế Đại lục với Hồng Kông, Ma Cao, góp phần đẩy nhanh tiến trình hình thành khu mậu dịch tự do Đông Á, Đài Loan khó có cơ hội tham gia vào tiến trình này, Đài Loan trở thành ốc đảo duy nhất ở Đông Á nằm ngoài khu mậu dịch tự do tràn đầy sức sống này, vận mệnh kinh tế Đài Loan đứng trước thách thức nghiêm trọng chưa từng thấy.

Tất cả sức ép trên dẫn đến sự lựa chọn con đường phát triển Đài Loan của Mã Anh Cửu “Không thống nhất cũng không độc

lập”, “giữ nguyên trạng”, tích cực mở rộng hợp tác kinh tế với Đại lục, đồng thời vẫn giữ quan hệ kinh tế với Mỹ, Nhật Bản. Điều này cho thấy ECFA mở ra triển vọng mới cho kinh tế Đại lục, là cơ hội để Trung Quốc thực hiện tiến trình chuyển đổi mô hình và phương thức phát triển kinh tế 10 năm tới và xa hơn nữa, là nhân tố thuận lợi cho sự trỗi dậy của Trung Quốc nói chung, kinh tế Đại lục nói riêng từ nay đến năm 2020 với những lý do sau đây:

- Mặc dù quy mô nền kinh tế Đài Loan không thể so với quy mô khổng lồ của nền kinh tế Đại lục, song nền kinh tế Đài Loan đã phát triển ở tầng nấc cao hơn nền kinh tế Đại lục. Nếu kinh tế Đại lục đang ở cuối giai đoạn giữa, chuẩn bị bước vào giai đoạn cuối của quá trình công nghiệp hóa thì nền kinh tế Đài Loan đang bước vào giai đoạn hậu công nghiệp đều có nhu cầu chuyển dịch kết cấu kinh tế, đưa các ngành sản xuất kém hiệu quả ra ngoài để phát triển các ngành kinh tế công nghệ cao, kinh tế dịch vụ. ECFA mở ra cơ hội lớn cho các nhà kinh doanh Đài Loan đầu tư kinh doanh tại Đại lục, đồng thời là cơ hội lớn cho kinh tế Đại lục thực hiện chuyển đổi mô hình và phương thức phát triển mới đã đề ra trong Đại hội 16, 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Vì như Vương Hiểu Hồng, trong bài viết “Quan hệ hai bờ: bổ sung ưu thế sẽ tạo ra sức cạnh tranh mới” trên tờ “Kinh tế đạo báo Trung Quốc” ngày 29/6/2010, đã nhận xét: Năm 2000- 2001 thu nhập quốc dân theo đầu người của Đài Loan đã vượt mức trung bình của các nước OECD. Kinh tế Đài Loan có năng lực sáng tạo rất tốt. Đứng trên phương diện sức sáng tạo, Đài Loan đã từng bước

chiếm lĩnh đỉnh cao về số lượng bằng phát minh sáng chế, có một chế độ giáo dục đào tạo tiên tiến, có một đội ngũ nhân tài hùng hậu, có kinh nghiệm quản lý kinh tế hiện đại.

Tính bổ sung giữa hai nền kinh tế Đại lục và nền kinh tế Đài Loan trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 là rất lớn, sức hút của nền kinh tế quy mô Đại lục đối với kinh tế Đài Loan có ưu thế về ngành dịch vụ, chế tạo điện tử, mô thức quản lý, v.v... còn Đại lục có ưu thế về ngành dệt, về nguồn nhân lực, về quy mô thị trường cũng như sự hỗ trợ mạnh của Nhà nước v.v... ECFA mở ra thời đại mới của liên kết kinh tế hai bờ giữa kinh tế Đại lục với kinh tế Đài Loan, sự bổ sung cho nhau về kết cấu ngành nghề, về kết cấu kinh tế, bố cục ngành nghề vv... sẽ dẫn đến một chỉnh thể liên kết kinh tế Đại lục- Đài Loan ở trình độ cao mới.

Hợp tác “Hai bờ bốn bên” làm cho quy mô kinh tế Trung Quốc vốn đã lớn càng lớn lên hơn nữa, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Đại lục được nâng lên, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kết cấu ngành nghề ở Đại lục được thuận lợi hơn nhờ vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nhà đầu tư Đài Loan, công cuộc cải cách kinh tế, mở cửa hội nhập với bên ngoài của kinh tế Đại lục thêm sức sống mới. Đây là một nguyên nhân giúp kinh tế Đại lục phát triển mạnh trong thời gian qua, và còn tác động lớn hơn đến sự trỗi dậy của kinh tế Đại lục 10 năm tới và xa hơn nữa.

2. Tác động của ECFA đối với Đài Loan.

Trước nguy cơ Đài Loan có thể sẽ bị cô lập khỏi tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á,

vì một mặt Đài Loan ngày càng bị thu hẹp không gian đối ngoại trước chính sách “một Trung Quốc” của Đại lục. Mặt khác, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Đài Loan theo hướng dịch vụ hóa, chi phí lao động ngày càng kém cạnh tranh và sự lên giá của đồng đôla Đài Loan so với đồng đôla Mỹ đã tạo áp lực phải tăng cường mở rộng các thị trường bên ngoài cho hàng hóa và vốn đầu tư của các doanh nghiệp Đài Loan. Điều này đã thúc đẩy chính sách “hướng Nam” nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư giữa Đài Loan với các nước Đông Nam Á.

Song bất chấp thỏa thuận về AFTA với lộ trình thực hiện giảm thuế quan (CEFT), quá trình hội nhập các thành viên ASEAN diễn ra khá chậm chạp. Vì vậy, tác động AFTA đối với quan hệ kinh tế Đài Loan với ASEAN nói chung là không lớn.

Hơn nữa, sau khi đạt được thỏa thuận gia nhập WTO, Trung Quốc chủ động thúc đẩy hội nhập Đông Á. Tháng 4/2002, ASEAN và Trung Quốc thỏa thuận thiết lập khu vực mậu dịch tự do CAFTA có hiệu lực từ tháng 1/2010. Hiệp định đã phát huy hiệu quả rất nhanh: Trung Quốc lần lượt vượt Nhật, EU và Mỹ để trở thành đối tác thương mại số 1 của ASEAN. CAFTA một lần nữa lại gây áp lực mới đối với Đài Loan.

Trước tình hình đó, chính quyền của ông Mã Anh Cửu đã thay đổi ưu tiên chiến lược hội nhập- chuyển sang cải thiện căn bản quan hệ kinh tế Hai bờ. Việc ký kết ECFA với Trung Quốc vào tháng 6-2010 như một FTA- đã nâng cấp quá trình hội nhập kinh tế giữa hai bờ lên một tầm cao mới.

Cạnh tranh hội nhập khu vực bước vào giai đoạn quyết liệt. Do lợi thế cạnh tranh của ASEAN tụt hậu so với Trung Quốc, năm 2003, đến lượt ASEAN phải đẩy tiến trình hội nhập nội khối lên mức độ nhất thể hóa cao hơn- xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (ACE) vào năm 2015 nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao vị thế mặc cả thông qua đẩy nhanh hội nhập tạo lợi thế về quy mô nếu không muốn bị cuốn vào ảnh hưởng của đối tác khổng lồ đang tăng trưởng rất nhanh là Trung Quốc. Tình hình trên đã thúc đẩy Đài Loan đầu tư vào Đại lục, khoảng 175 tỷ USD với hơn 70 ngàn doanh nghiệp Đài Loan, chiếm tỷ trọng 15-17% tổng vốn FDI vào Trung Quốc thời gian qua. Dòng xuất khẩu của Đài Loan cũng chuyển dịch theo hướng ngày càng tập trung vào thị trường Đại lục, đạt 59,78% tổng kim ngạch vào cuối năm 2009, trong khi tỷ trọng giảm sút tại các thị trường chủ chốt truyền thống khác như Mỹ, Nhật. Hiệp định ECFA chắc chắn sẽ tăng cường hơn nữa xu thế này, kết nối mạnh hơn các chuỗi cung của các doanh nghiệp Đài Loan với thị trường Đại lục.

Từ giữa thập niên 2000, xu hướng “China+1” đã xuất hiện trong giới đầu tư do lo ngại “bỏ tất cả trứng vào một rọ” – quá tập trung vào thị trường Trung Quốc khi thị trường này có dấu hiệu cho thấy đang tiến tới “điểm ngoặt Lewis” (Lewis’s point) tức là tiền công bắt đầu tăng nhanh hơn năng suất lao động. Việc xiết chặt các quy định về tiêu chuẩn công nghệ, môi trường, xu hướng đồng Nhân dân tệ lên giá, ... cũng gây sức ép buộc các doanh nghiệp FDI tại Trung Quốc phải tìm kiếm địa chỉ đầu tư mới. Đối với vốn FDI của Đài Loan vào Đại lục, đặc biệt

là trong lĩnh vực công nghiệp nơi tập trung tới 80- 85 % FDI từ Đài Loan, sức ép phải chuyển dịch dần từ các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, thực phẩm, đồ nhựa, lắp ráp đồ điện, vật liệu xây dựng, ... sang các lĩnh vực sử dụng nhiều vốn và công nghệ cao như bán dẫn, máy tính, viễn thông, sản phẩm quang học, cơ khí, dược phẩm, các lĩnh vực dịch vụ như bán lẻ, tài chính – ngân hàng, ... sẽ ngày càng mạnh lên. Nếu Đài Loan không muốn phụ thuộc quá mức vào thị trường Trung Quốc, thì điều quan trọng là phải tiếp tục tham gia vào mạng lưới các FTA khu vực. Hơn nữa, chính quyền Đài Bắc cũng đứng trước áp lực phải xúc tiến bằng được các hiệp định FTA với các nền kinh tế khác để chứng tỏ rằng, ECFA sẽ giúp Đài Loan mở rộng không gian kinh tế đối ngoại như đã kỳ vọng khi ký kết.

Là một vùng lãnh thổ hải đảo, quan hệ kinh tế đối ngoại có tầm quan trọng sống còn đối với Đài Loan. Hiệp định ECFA mở ra cơ hội mới cho Đài Loan phá thế bị cô lập, tham gia vào mạng lưới liên kết kinh tế đang bùng nổ tại Đông Á. Một số nền kinh tế đã có FTA với Trung Quốc như Singapore, Chile, Peru hay New Zealand có lợi thế ký tiếp FTA với Đài Loan mà không vi phạm nguyên tắc “một Trung Quốc”. Việc Trung Quốc không phản đối Đài Loan và Singapore chính thức thảo luận về một FTA song phương là chuyển động khả quan theo hướng này. Việc kết nối ECFA và CAFTA không phải là hoàn toàn không có cơ sở. Đài Loan cũng có thể xem xét TPP như một lựa chọn chiến lược vì ở đây có những đối tác kinh tế hàng đầu của Đài Loan như Hoa Kỳ,

Singapore, Chile, Peru, ... và có lẽ sẽ cả Nhật Bản. Tuy nhiên, cần lưu ý một tiền lệ đã được lập đi, lập lại tại APEC năm 1991 và WTO năm 2001 là Đài Loan sẽ hội nhập vào một cơ chế khu vực dễ dàng hơn nhiều nếu cùng với Trung Quốc.

Nghiên cứu của Daniel H. Rosen và Zhi Wang (2011) chỉ ra rằng, ECFA có thể có tác động tích cực đối với những nền kinh tế còn ở mức độ phát triển thấp trong khu vực như Việt Nam do Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan hiện ở vào những giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế cao thấp khác nhau, có thể phát huy lợi thế cạnh tranh của từng bên nếu được liên kết vào các mạng sản xuất hợp lý. Tuy nhiên, trong 1-2 năm tới, nhiều khả năng ECFA sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng hay thậm chí làm chững lại dòng đầu tư từ Đài Loan vào Việt Nam.

3. Tác động của ECFA đến thị trường thứ ba

Khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới đã tác động mạnh đến cả kinh tế Đài Loan lẫn kinh tế Đại lục, tạo cơ hội lớn mang tính lịch sử cho hợp tác hai bờ Đại lục- Đài Loan. Từ tháng 3-2008, nội bộ Đài Loan có sự thay đổi, Đảng Quốc dân thay Đảng Dân tiến lên cầm quyền, hợp tác hai bờ Đại lục- Đài Loan đã bước sang giai đoạn mới, ECFA không chỉ tác động mạnh đến nền kinh tế Đại lục cũng như kinh tế Đài Loan mà còn mở ra nhu cầu mới, điều kiện mới cho cả hai bờ cùng khai thác thị trường thứ ba trong đó có Việt Nam bằng mô thức phát triển mới - hai bờ “ cùng đi ra ngoài”.⁽¹⁾

Như mọi người đều biết, lâu nay Trung Quốc Đại lục đã coi việc hỗ trợ các doanh

nh nghiệp “đi ra ngoài” là biện pháp cơ bản thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế. Chính phủ Trung ương và chính quyền các cấp đều thực thi biện pháp hỗ trợ mạnh, hình thành hệ thống chính sách xúc tiến, đảm bảo, quản lý, và phục vụ các doanh nghiệp “đi ra ngoài”...

Tuy có nhiều thuận lợi như vậy, nhưng do môi trường bên ngoài và tổ chức của chính các doanh nghiệp Đại lục chưa thật tốt nên vẫn gặp trở ngại khi “đi ra ngoài”. Nếu Hai bờ hợp tác hiệu quả, cùng thực thi chiến lược “đi ra ngoài”, các doanh nghiệp Đài Loan có thể được hưởng hàng loạt chính sách hỗ trợ của Đại lục, đặc biệt hỗ trợ về vốn trong thời kỳ suy thoái kinh tế toàn cầu, cùng hợp lực xây dựng các công ty xuyên quốc gia hùng mạnh “đi ra ngoài”, nâng cao ảnh hưởng quốc tế của hợp tác hai bờ Đại lục- Đài Loan.

Tầm quan trọng của Đại lục với Đài Loan là rõ rệt, song vai trò của Đài Loan với kinh tế Đại lục cũng lớn khi hai bên cùng hợp tác “đi ra ngoài” khai thác thị trường thứ ba. Trước hết, nhiều doanh nghiệp Đài Loan đã đạt trình độ khoa học công nghệ khá mạnh, có kinh nghiệm quản lý hiện đại theo thông lệ quốc tế, những nhân tố này rất hấp dẫn các doanh nghiệp Đại lục hiện có thực lực hùng hậu về vốn và lao động. Hai bên kết hợp sẽ tạo ra lợi thế tương đối, tăng nhanh sức cạnh tranh quốc tế. Thứ hai trong quá trình hợp tác hai bờ cùng “đi ra ngoài”, hai bên bổ sung cho nhau những thông tin quan trọng về thị trường đầu tư: môi trường kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, khoa học kỹ thuật vv... cùng nâng cao hiệu suất của các doanh nghiệp cùng “đi ra ngoài” do Đài Loan là nền kinh tế

tự do mở cửa hội nhập quốc tế trước Đại lục, trình độ dung hợp văn hóa với thế giới phương Tây khá cao. *Thứ ba*, trên thế giới vẫn lưu hành rộng rãi thuyết “mối đe dọa của Trung Quốc”, Chính phủ một số nước, đặc biệt là các nước Đông Nam Á luôn cảnh giác với các doanh nghiệp Đại lục. Một khi liên doanh Đại lục - Đài Loan hình thành cùng “đi ra ngoài” đầu tư vào thị trường thứ ba, sức hấp dẫn của nhân tố Đài Loan sẽ làm cho đầu tư ra nước ngoài của Đại lục thuận lợi hơn.

Sự phân tích trên cho thấy hợp tác hai bờ Đại lục- Đài Loan sẽ mở ra triển vọng mới cho sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc từ nay đến 2020 và xa hơn nữa. Tác động của ECFA sẽ lớn hơn nhiều so với CEPA 10 năm trước đây. Đây cần được xem như một nhân tố quan trọng cho sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc 10 năm tới, cũng là một nhân tố quan trọng tác động đến thị trường thứ ba trong đó có Việt Nam khi các đại gia Đại lục liên hiệp với các đại gia Đài Loan cùng “đi ra ngoài”.

II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRƯỚC XU THẾ LIÊN KẾT KINH TẾ “HAI BỜ BỐN BÊN” CỦA TRUNG QUỐC

Về cơ hội: Xét về mặt lý thuyết, xu thế liên kết kinh tế “Hai bờ bốn bên” của Trung Quốc rất có thể sẽ mang lại cơ hội lớn cho kinh tế Việt Nam trong hợp tác toàn diện với Trung Quốc, hội nhập với khu vực và thế giới. Bởi lẽ, Việt Nam cùng một lúc có thể khai thác quan hệ kinh tế với cả “4 bên” với những thể chế kinh tế đa dạng, với những đặc thù kinh tế khác nhau. Chẳng hạn Việt Nam có thể hợp tác khai thác mặt mạnh của kinh tế

Ma Cao là công nghiệp giải trí; khai thác mặt mạnh của nền kinh tế Hồng Kông như một cảng trung chuyển của thế giới để mở rộng giao thương, có thể khai thác quan hệ kinh tế thương mại với Đài Loan, một nền kinh tế tự do có quan hệ sâu rộng với thế giới phương Tây, đang trong quá trình chuyển đổi mô hình phát triển, dù bị kinh tế Đại lục cuốn hút, song vẫn tìm cách phát triển quan hệ kinh tế với các thị trường khác ngoài Đại lục; khai thác thị trường Đại lục rộng lớn, trước hết là vùng kinh tế Chu Giang mở rộng liền kề với Việt Nam gồm 9 tỉnh và 3 nền kinh tế tự do liên kết ngày càng chặt chẽ với nhau theo công thức 9+3, hình thành đầu tàu kinh tế Trung Quốc và trở thành trung tâm sức mạnh hợp tác kinh tế Trung Quốc- ASEAN 10 năm qua, rất có khả năng phát huy thế mạnh này trong 10 năm tới khi ECFA vận hành hiệu quả.

Tuy nhiên, khai thác đến đâu cơ hội này lại tùy thuộc vào nội lực kinh tế Việt Nam.

Về thách thức: Trong khi cơ hội mới được thấy trên phương diện lý thuyết, nó tùy thuộc vào khả năng khai thác của Việt Nam, trong đó nội lực kinh tế Việt Nam đóng vai trò quyết định thì thách thức từ sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc do xu hướng liên kết kinh tế “Hai bờ” mang lại đang là vấn đề đáng quan ngại đối với kinh tế Việt Nam, cũng như quan hệ kinh tế Việt- Trung và quan hệ kinh tế Việt- Đài 10 năm tới.

Sự phân tích trong phần I cho thấy, liên kết kinh tế “Hai bờ bốn bên” tác động đến sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc 10 năm qua, đặc biệt ECFA sẽ tác động mạnh hơn đến sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc 10 năm tới. Điều này dẫn đến hệ quả khó tránh

là trình độ phát triển cũng như quy mô kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng mở rộng theo hướng có lợi cho nền kinh tế Trung Quốc. Tình trạng bất cân xứng gia tăng trong 10 năm tới đặt quan hệ kinh tế song phương Việt- Trung trước nhiều vấn đề nan giải cần khắc phục mới có thể lành mạnh hóa quan hệ kinh tế hai nước.

ECFA còn tác động mạnh đến quan hệ kinh tế Việt - Đài. Sự nỗ lực của cả hai phía trong thời gian trước ECFA đã mang lại kết quả to lớn: Đài Loan luôn là nhà đầu tư hàng đầu và đối tác thương mại lớn của Việt Nam với tổng số vốn FDI lên tới 23 tỷ USD và kim ngạch thương mại hai chiều hơn 8 tỷ USD vào năm 2010. Nhưng ECFA rất có khả năng làm giảm tốc độ tăng trưởng quan hệ kinh tế Việt - Đài, làm chững lại dòng đầu tư từ Đài Loan vào Việt Nam. Việc Đại lục tăng mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư với các chính sách ưu đãi, mời gọi trong thời gian gần đây đối với các doanh nghiệp Đài Loan cũng như tình hình kinh tế vi mô bất ổn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Đài Loan ở Việt Nam cũng sẽ là những nhân tố gây khó khăn cho quan hệ kinh tế Việt-Đài. Một chiều hướng có thể dự báo trước là thương mại Việt - Trung sẽ tăng mạnh; đầu tư của các doanh nghiệp Đài Loan vào Việt Nam có thể giảm, ngược lại đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam có thể tăng mạnh trong 10 năm tới, trong đó sẽ có không ít các hạng mục đầu tư liên doanh Đại lục- Đài Loan cùng “đi ra ngoài” tiến vào Việt Nam.

Liên kết kinh tế Đài Loan với Đại lục còn khuyến khích “Hai bờ bốn bên” chủ yếu giữa Đài Loan với Đại lục cùng đầu tư khai thác kinh tế Biển Đông. Xu hướng này chắc sẽ

tác động không nhỏ đến Việt Nam thời gian tới. Theo nghiên cứu của chúng tôi, 10 năm tới rất có thể Trung Quốc sẽ coi việc khai thác kinh tế Biển Đông là trọng điểm chiến lược nhằm khẳng định chủ quyền của họ đối với Biển Đông. Đồng thời còn vì mục tiêu ổn định tình hình trong nước, điều hòa quyền lợi giữa các tập đoàn lợi ích lớn. Liên kết kinh tế “Hai bờ” Đại lục – Đài Loan được kích lệ bởi chiến lược khai thác kinh tế Biển Đông 10 năm tới. Đại lục triệt để khai thác nguồn vốn, công nghệ của Đài Loan, còn Đài Loan cũng chuyển dần sang lập trường của Đại lục trong vấn đề Biển Đông để kiếm lợi. Hai hướng hợp tác “đi ra ngoài” trong khai thác kinh tế Biển Đông giữa Đại lục và Đài Loan là khai thác dầu khí và khai thác du lịch để khẳng định chủ quyền lịch sử theo “đường 9 khúc”. Chúng ta có thể dự đoán khả năng Đài Loan và Đại lục sẽ cùng đầu tư khai thác dầu khí qui mô tại vùng biển nước sâu và vùng tranh chấp chủ quyền với một số nước Đông Nam Á. Chúng ta cũng có thể dự đoán khả năng hợp tác du lịch Biển Đông giữa Đài Loan và Đại lục, hình thành tuyến du lịch Biển Đông vòng quanh đảo Hải Nam (Trung Quốc), quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Chúng ta cần tính đến những giải pháp phù hợp trước những động thái mới này.

CHÚ THÍCH:

(1) Nguyễn Xuân Cường (chủ biên): *Hợp tác vùng Chu Giang mở rộng ở Trung Quốc: Hiện trạng và tác động*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, năm 2010, tr. 62-74.

